TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **237**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 05-10-2017
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Giới.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Văn Bổng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 434/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2017 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 282/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2017 và lời trình bày nguyên đơn tại phiên tòa, thể hiện: Vào năm 1994 bà Đ và ông H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau theo lễ cưới theo truyền thống, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S vào ngày 08/9/2003. Thời kỳ chung sống giữa

bà Đ và ông H có con chung, tên: Trần Tấn P, sinh 24/7/1996; Trần Tấn H, sinh 23/4/2000; Trần Tấn L, sinh 17/8/2005.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm, nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại.

Nay bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông H. Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với ông Trần Văn H: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng ông H đều vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc *"ly hôn"*, nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Tòa án đã tiến hành triệu tập ông H hợp lệ 02 lần để xét xử, nhưng ông H đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Toà án căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] *Xét về căn cứ cho ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng bà Đ và ông H không làm được điều đó mà lại thường xuyên cự cải với nhau, làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân với nhau thời gian dài nhưng cả 02 bên đều không có thiện chí hàn gắn trở lại, tại phiên tòa bà Đ cương quyết ly hôn với ông H, do đó xác định bà Đ và ông H đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho ly hôn giữa bà Đ và ông H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[4] *Xét về con chung:* Bà Đ không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Tại phiên toà hôm nay bà Đ cho rằng giữa bà với ông H đã thỏa thuận tài sản chung và nợ chung, nhưng tại phiên toà ông H vắng mặt không rõ lý do, nên chưa làm rõ được phần tài sản chung và nợ chung giữa bà Đ và ông H; do đó cần tách phần tài sản chung và nợ chung giữa bà Đ và ông H ra để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H, khi nào ông H có yêu cầu xét thấy có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[6] *Xét về án phí:* Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Đ đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đặng Thị Đ và ông Trần Văn H.

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Bà Đ phải nộp 300.000 đồng, bà Đ đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0007204 ngày 25/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Từ Thanh Nhung